

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-01-2021

“V/v: Kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tuyền và bà Mai Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2021 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 330/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13/10/2020 về việc “Kiện ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thế T, sinh năm 1982 (Vắng mặt và đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Thôn 9A, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do). Địa chỉ: Thôn 9A, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Lê Thế T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thế T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND Y, huyện D, tỉnh Bắc Giang, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh T và chị H đã sống ly thân. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị H có 03 con chung là cháu Lê Thị Hồng A, sinh ngày 02/10/2003; cháu Lê Hồng V, sinh ngày 13/01/2005 và cháu Lê Thế V, sinh ngày 05/10/2008. Nay ly hôn thì anh T có nguyện vọng được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai của các cháu Lê Thị Hồng A, sinh năm 2003; cháu Lê Hồng V, sinh năm 2005 và cháu Lê Thế V, sinh năm 2008 đều trình bày là có nguyện vọng được ở với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị H vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của chị H về yêu cầu khởi kiện của anh T. Tại phiên tòa, chị H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người T hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh T được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Hồng A, sinh ngày 02/10/2003; cháu Lê Hồng V, sinh ngày 13/01/2005 và cháu Lê Thế V, sinh ngày 05/10/2008 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Hiện tại anh T không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, nguyên đơn anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Anh Lê Thế T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn anh Lê Thế T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không T hành hòa giải được và T hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thế T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của anh T, cũng như xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T và chị H sinh sống, đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống giữa anh T, chị H thường xảy ra mâu thuẫn và kéo dài. Hiện hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị H ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc anh T yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi các con chung. Hiện chị H đã đi làm xa, anh T là người đang trực tiếp nuôi các con chung, ý kiến của các cháu Lê Thị Hồng A, sinh ngày 02/10/2003; cháu Lê Hồng V, sinh ngày 13/01/2005 và cháu Lê Thế V, sinh ngày 05/10/2008 đều có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy, cần giao cháu các con chung cho anh T chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[5] Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Về án phí: Anh Lê Thế T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thế T. Anh Lê Thế T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Hồng A, sinh ngày 02/10/2003; cháu Lê Hồng V, sinh ngày 13/01/2005 và cháu Lê Thế V, sinh ngày 05/10/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Thế T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2019/0012101 ngày 09/10/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND Y , D,
- Bắc Giang (Số 60/2002; Quyền 01)
- Lưu hồ sơ, VT.

Đỗ Xuân Cường